FireAnt

CTCP Vận tải và Xếp dỡ Hải An (HSX: HAH)

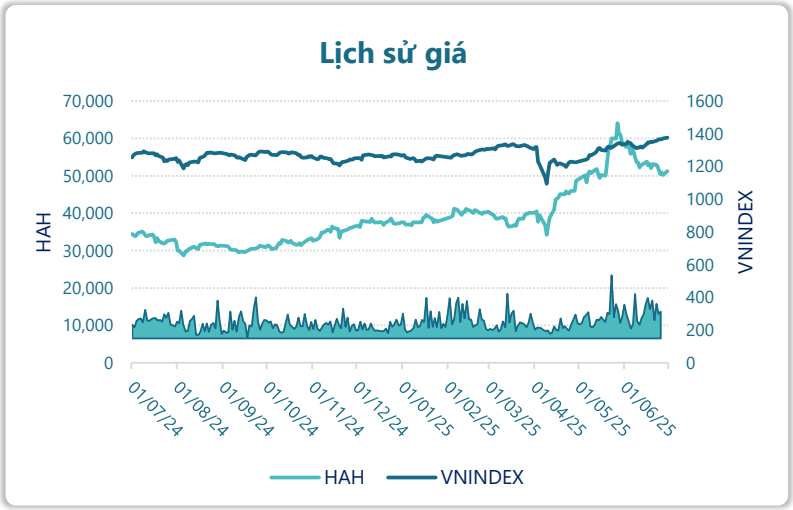

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**67,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	64,069
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	28,694
SL cổ phiếu LH	129,894,418
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,112,265
% sở hữu nước ngoài	5.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	8,768
P/E	8.2
EPS	8,270

DT thuần

Q2/25

1,275

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 106| 9.0%

YoY: ▲ 326| 34.3%

LN sau thuế

Q2/25

414

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 140| 51.2%

YoY: ▲ 286| 224%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

42.8%

+/- YoY: ▲ 22.2%

DT thuần

6T 2025

2,444

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 791| 47.9%

LN sau thuế

6T 2025

688

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 512| 291%

ROE

Q2/25

26.3%

+/- YoY: ▲ 15.7%

Kết quả kinh doanh

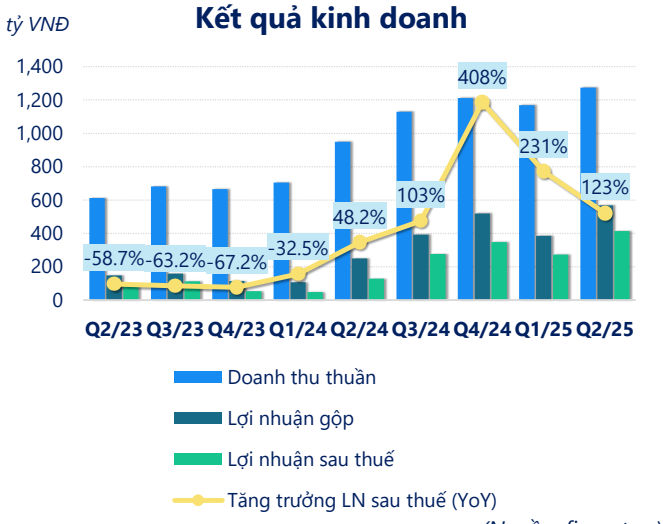

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

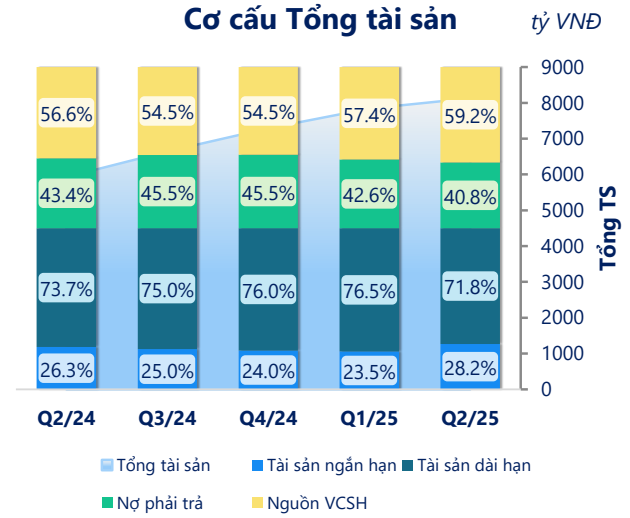

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

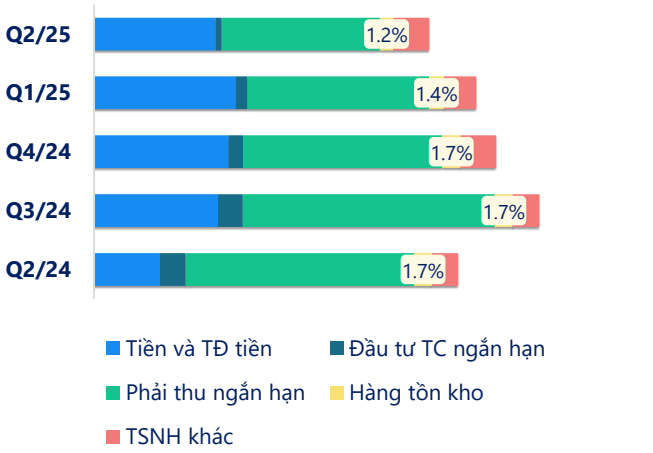

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

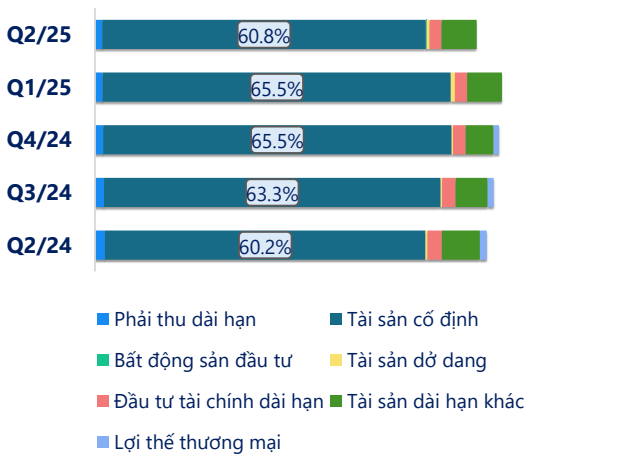

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

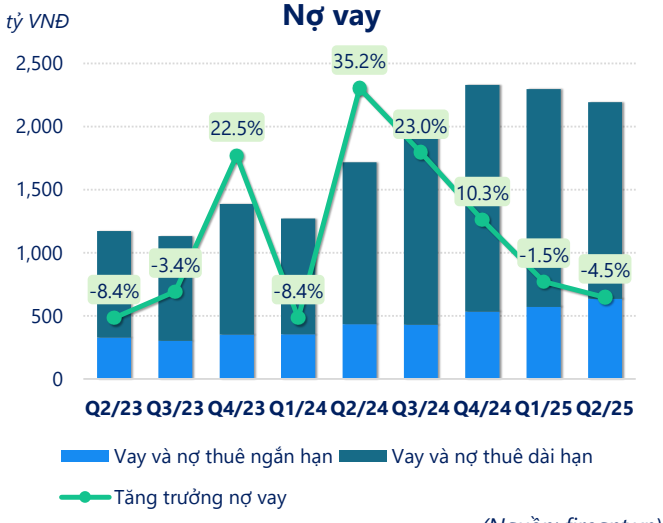

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

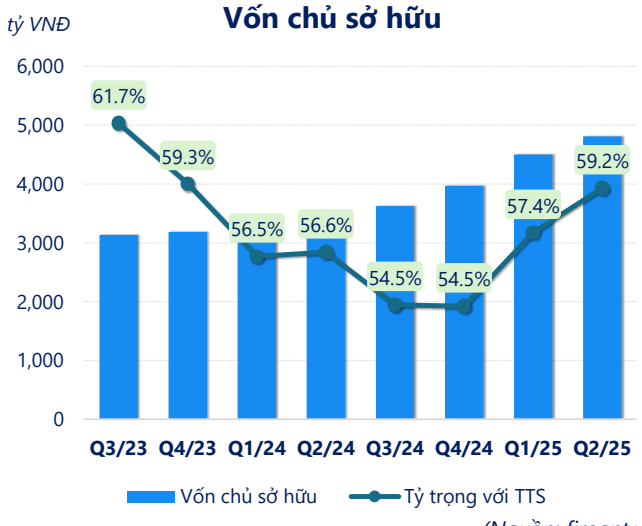

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

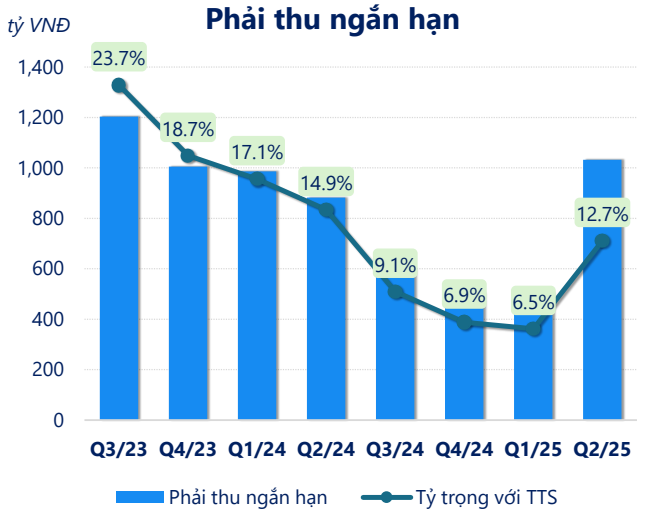

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

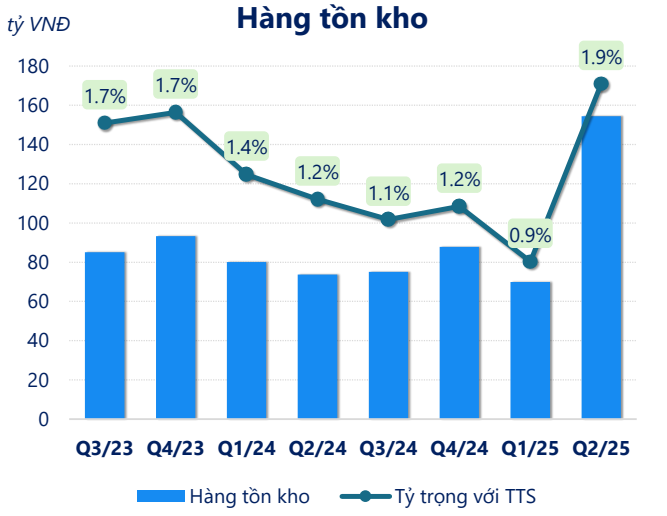

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

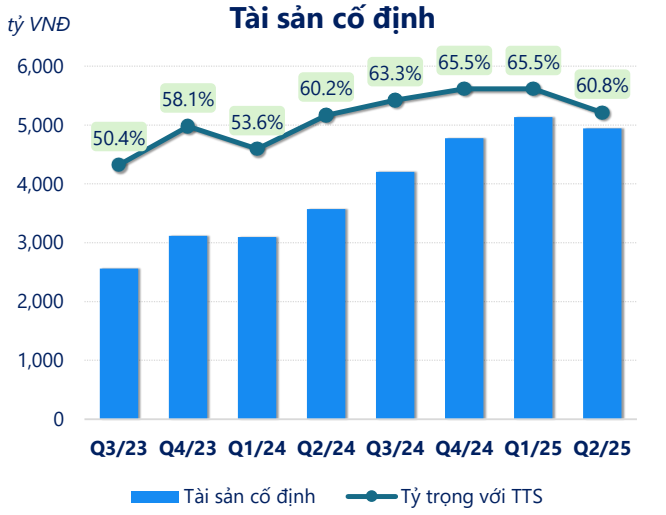

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

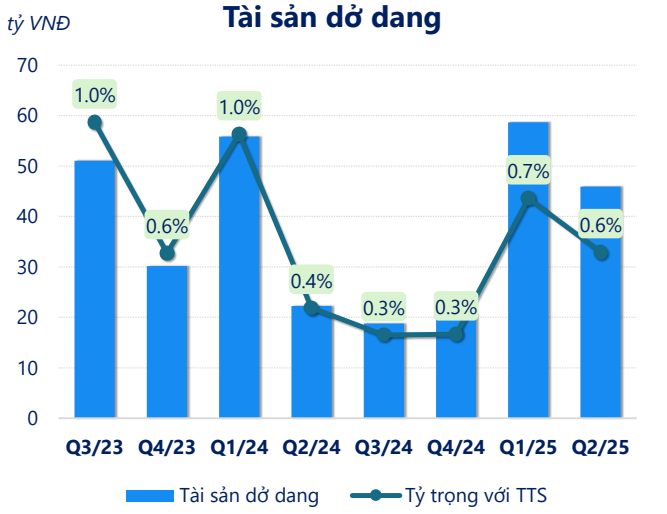

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

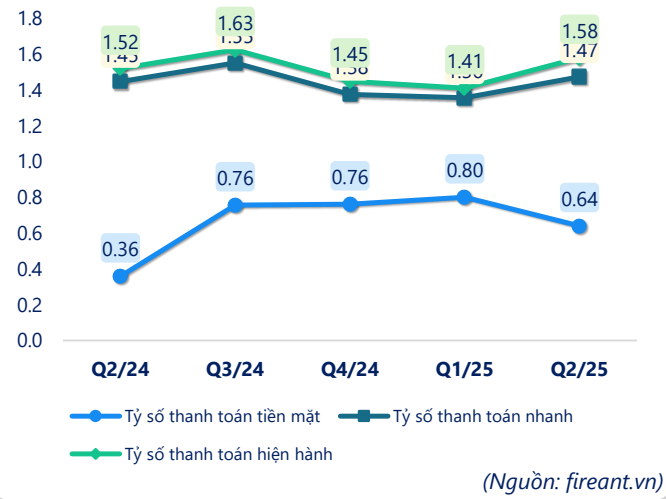

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

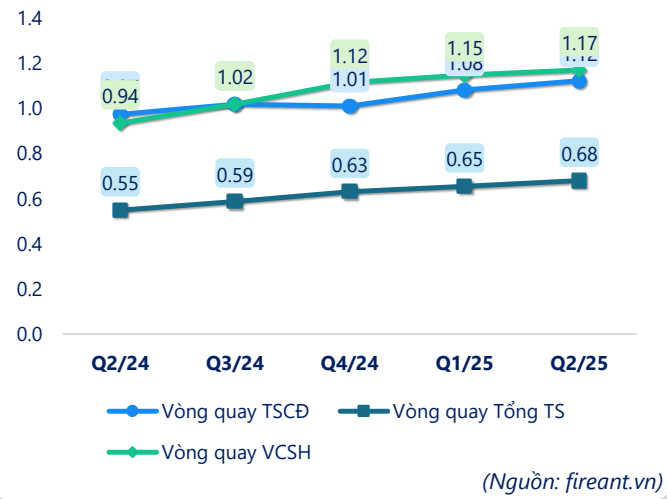

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**5,925**	**6,644**	**7,290**	**7,839**	**8,129**
Tài sản ngắn hạn	**1,558**	**1,664**	**1,753**	**1,841**	**2,293**
Tiền và tương đương tiền	368	775	922	1,045	929
Đầu tư tài chính ngắn hạn	33.5	30.5	70.5	70.5	75.5
Phải thu ngắn hạn	882	604	504	507	1,032
Hàng tồn kho	73.8	75.1	87.8	69.9	154
Tài sản ngắn hạn khác	201	179	168	148	102
Tài sản dài hạn	**4,367**	**4,980**	**5,537**	**5,998**	**5,836**
Phải thu dài hạn	113	113	113	113	113
Tài sản cố định	3,570	4,205	4,775	5,134	4,943
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	15.4
Tài sản dở dang	22.3	18.8	20.8	58.6	45.9
Đầu tư tài chính dài hạn	162	167	174	179	183
Tài sản dài hạn khác	424	402	382	513	536
Lợi thế thương mại	76.2	74.3	72.3	0	0
Nợ phải trả	**2,570**	**3,020**	**3,318**	**3,339**	**3,319**
Nợ ngắn hạn	**1,026**	**1,024**	**1,210**	**1,305**	**1,451**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	433	430	532	572	635
Phải trả người bán ngắn hạn	212	196	206	200	252
Nợ dài hạn	1,545	1,996	2,108	2,034	1,868
Vay và nợ thuê dài hạn	1,285	1,684	1,798	1,724	1,559
Nguồn vốn chủ sở hữu	**3,355**	**3,624**	**3,972**	**4,500**	**4,810**
Vốn chủ sở hữu	**3,355**	**3,624**	**3,972**	**4,500**	**4,810**
Vốn điều lệ	1,055	1,213	1,213	1,299	1,299
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)